

V. KẾT LUẬN

Năm 2020-2021, thực trạng số lượt đào tạo liên tục về chuyên môn đào tạo tại bệnh viện có tỷ lệ cao hơn 15 lần số lượt đào tạo tại các cơ sở tuyến trung ương và nơi khác; 85% điều dưỡng lâm sàng tham gia ĐTLT \geq 48 tiết trong 2 năm 2020, 2021. Đa số ĐD đều muốn tham gia các khóa ĐTLT được tổ chức tại Bệnh viện, giảng viên tham gia ĐTLT đến từ bệnh viện tuyến trung ương, thời gian ĐTLT trên 3 ngày, hình thức tổ chức kết hợp lý thuyết với thực hành, phương pháp giảng dạy tích cực, lấy học viên làm trung tâm, tùy nội dung khoá ĐTLT mà hình thức tổ chức cho phù hợp và kinh phí 100% do Bệnh viện hỗ trợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anh, V.N., Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên

tục của điều dưỡng các khoa lâm sàng tại Bệnh viện Quận 11 năm 2020, in Luận văn Thạc sĩ Quản lý bệnh viện. Trường Đại học Y tế công cộng, 2016.

2. Ban chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 20/NQ-TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. 2017.
3. Bộ Y tế, Tài liệu đào tạo Quản lý đào tạo liên tục tại bệnh viện. 2014.
4. Bộ Y tế, Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/08/2013 của Bộ Y tế Hướng dẫn đào tạo liên tục trong lĩnh vực y tế. 2013.
5. Bộ Y tế, Tài liệu hướng dẫn quản lý công tác đào tạo lại và bồi dưỡng y tế cơ sở. 2007.
6. Thu, N.T.H., Đánh giá nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng lâm sàng tại Bệnh viện Phổi Trung Ương, giai đoạn 2015 - 2017, in Luận văn Thạc sĩ Quản lý bệnh viện. Trường Đại học Y tế công cộng, 2015.

THỰC TRẠNG BIẾN CHỨNG MẮT TRÊN NGƯỜI BỆNH ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TÍP 2 TẠI MỘT SỐ XÃ TỈNH THÁI BÌNH

Nguyễn Quang Lịch¹, Nguyễn Xuân Bái², Ngô Thị Nhu²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng biến chứng mắt trên người bệnh đái tháo đường típ 2 tại tỉnh Thái Bình. **Đối tượng nghiên cứu:** Người bệnh đái tháo đường típ 2 tại 4 xã thuộc huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình. **Phương pháp nghiên cứu:** phương pháp dịch tễ học mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang. **Kết quả nghiên cứu:** Đa số người bệnh đái tháo đường típ 2 tham gia nghiên cứu là nữ giới chiếm 61,5%. Trình độ học vấn chủ yếu là trung học cơ sở chiếm 53,6%. Tỷ lệ người bệnh đái tháo đường típ 2 bị mắc ít nhất 1 bệnh mắt là 77,6%. Tỷ lệ người bệnh đái tháo đường típ 2 bị tổn hại thị lực là 60,6%. Tỷ lệ người bệnh đái tháo đường típ 2 bị mắc bệnh lý võng mạc là 28,4%.

Từ khóa: Đái tháo đường típ 2, biến chứng mắt.

SUMMARY

CURRENT SITUATION OF EYE COMPLICATIONS IN PEOPLE WITH TYPE 2 DIABETES IN SOME COMMUNES OF THAI BINH PROVINCE

Objective: Describe the current situation of eye complications in people with type 2 diabetes in some communes of Thai Binh province. **Subject:** Patients

¹Bệnh viện Mắt Thái Bình

²Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Xuân Bái

Email: bainxytb@yahoo.com.vn

Ngày nhận bài: 12.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 30.10.2023

Ngày duyệt bài: 15.11.2023

with type 2 diabetes in 4 communes of Vu Thu district, Thai Binh province. **Methodology:** descriptive cross sectional study. **Results:** The majority of type 2 diabetes patients participating in the study were women, accounting for 61.5%. The majority of research subjects had secondary school education, accounting for 53.6%. The rate of people with type 2 diabetes suffering from at least one eye disease is 77.6%. The rate of type 2 diabetes patients with vision damage is 60.6%. The rate of type 2 diabetes patients with retinopathy is 28.4%.

Keywords: Type 2 diabetes, eye complications.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo xu hướng phát triển đi lên của xã hội, tuổi thọ con người ngày càng được nâng cao, dân số ngày càng già đi, tuy nhiên cùng với nó là sự xuất hiện của nhiều bệnh mạn tính và có xu hướng trẻ hóa như đái tháo đường, tăng huyết áp, tim mạch, béo phì, mỡ máu,... Tại Việt Nam, bệnh đái tháo đường Típ 2 cũng đang gia tăng nhanh chóng. Năm 2003, tỷ lệ đái tháo đường từ 2,7% đến 3%. Năm 2005 ở Việt Nam có khoảng 1.295.000 người mắc bệnh đái tháo đường. Kết quả điều tra của Bộ Y tế năm 2021 cho thấy, tỷ lệ mắc đái tháo đường ở người trưởng thành ước tính là 7,1%; Bệnh đái tháo đường Típ 2 gây nhiều biến chứng cơ quan đích và hiện đang là một trong những bệnh đứng hàng đầu gây tàn phế và tử vong. Tuy nhiên, chúng ta thường chú ý đến các biến chứng dễ nhận thấy như tim

mạch, mạch máu, thận,... mà không chú ý đến các biến chứng âm thầm nhưng rất nguy hiểm đó là biến chứng về mắt, khiến cho người bệnh suy giảm thị lực nhanh chóng, nếu không sớm phát hiện và điều trị kịp thời có thể mất thị lực hoàn toàn. Thị lực bị mất do biến chứng của đái tháo đường đôi khi không thể đảo ngược. Việc phát hiện và điều trị sớm các biến chứng về mắt có thể giảm 95% nguy cơ mù lòa, chính vì vậy chúng tôi nghiên cứu đề tài này với mục tiêu là: *Mô tả thực trạng biến chứng mắt trên người bệnh đái tháo đường típ 2 tại tỉnh Thái Bình.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm, thời gian, đối tượng nghiên cứu

- Địa điểm nghiên cứu: bốn xã thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.
- Đối tượng nghiên cứu: Người bệnh đái tháo đường típ 2 đang sinh sống tại địa bàn nghiên cứu.
- Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện từ T1/2018 – T12/2021.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu. Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp dịch tễ học mô tả thông qua cuộc điều tra cắt ngang.

2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu. Áp dụng công thức tính cỡ mẫu để ước tính một tỷ lệ trong quần thể tính được tổng số người bệnh đái tháo đường típ 2 cần nghiên cứu là 355 người. Trên thực tế số người bệnh đái tháo đường típ 2 đã điều tra là 416 người.

2.2.3. Kỹ thuật áp dụng trong nghiên cứu

*Phỏng vấn: Trước khi nghiên cứu, cán bộ nghiên cứu được tập huấn để phỏng vấn đối tượng nhằm thu thập những thông tin một cách chính xác nhất. Phỏng vấn trực tiếp người bệnh đái tháo đường đang sinh sống tại địa bàn nghiên cứu.

*Khám mắt, đo thị lực: được thực hiện bởi các cán bộ y tế chuyên khoa mắt của Bệnh viện Mắt Thái Bình và Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư, Thái Bình.

2.2.4. Trình tự tiến hành nghiên cứu

- Tập huấn thu thập số liệu
- Tổ chức điều tra: bao gồm phỏng vấn và thăm khám mắt.
- Tổ chức giám sát.

2.2.5. Xử lý số liệu. Làm sạch số liệu từ phiếu. Số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1. Các số liệu thu thập được xử lý theo thuật toán thống kê Y sinh học, sử dụng phần mềm SPSS 22.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1: Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Nhóm tuổi	Giới		Nữ		Chung		
	SL	%	SL	%	SL	%	
< 60	17	43,6	22	56,4	39	9,4	
60 - 69	63	37,7	104	62,3	167	40,1	
70 - 79	65	41,4	92	58,6	157	37,7	
≥ 80	15	28,3	38	71,7	53	12,7	
Tổng	160	38,5	256	61,5	416	100,0	
p	>0,05						

Từ kết quả bảng 1 ta thấy: tỷ lệ người bệnh đái tháo đường típ 2 là nam giới tham gia nghiên cứu chiếm 38,5%; nữ giới chiếm 61,5%. Nhóm tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là 60-69 chiếm 40,1%; nhóm tuổi 70-79 chiếm 37,7%. Các nhóm tuổi còn lại chiếm tỷ lệ thấp.

Bảng 2: Trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu

Trình độ học vấn	Nam (n=160)		Nữ (n=256)		Chung (n=416)		
	SL	%	SL	%	SL	%	
Không biết chữ	0	0	6	100	6	1,4	
Tiểu học	19	24,4	59	75,6	78	18,8	
THCS	85	38,1	138	61,9	223	53,6	
THPT	35	52,2	32	47,8	67	16,1	
Trên THPT	21	50,0	21	50,0	42	10,1	
p	<0,05						

Từ kết quả bảng 2 ta thấy: cả 6 người không biết chữ trong nghiên cứu đều là nữ giới. Tỷ lệ nữ giới ở trình độ học vấn tiểu học và trung học cơ sở đều cao hơn nhiều so với nam giới. Ngược lại, ở trình độ trung học phổ thông và trên trung học phổ thông thì tỷ lệ nam và nữ tương đương nhau. Sự khác biệt về trình độ học vấn ở 2 giới là có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Bảng 3: Tỷ lệ đối tượng mắc bệnh mắt tại địa bàn nghiên cứu

Bệnh mắt	Nam (n=160)		Nữ (n=256)		Chung (n=416)		p
	SL	%	SL	%	SL	%	
Có	127	79,4	196	76,6	323	77,6	>0,05
Không	33	20,6	60	23,4	93	22,4	

Từ kết quả bảng 3 ta thấy: tỷ lệ đối tượng nghiên cứu mắc ít nhất một bệnh mắt là 77,6%. Trong đó, tỷ lệ nam giới bị mắc ít nhất 1 bệnh mắt chiếm 79,4%; nữ giới chiếm 76,6%. Tuy nhiên, sự khác biệt là không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

Bảng 4: Tình hình thị lực của đối tượng nghiên cứu theo giới

Thị lực	Nam (n=160)		Nữ (n=256)		Chung (n=416)		p
	SL	%	SL	%	SL	%	
< 3/10	90	56,3	162	63,3	252	60,6	>0,05
≥ 3/10	70	43,7	94	36,7	164	39,4	

Kết quả bảng 4 cho thấy: tỷ lệ đối tượng nghiên cứu bị tổn hại thị lực là 60,6%; không bị tổn hại thị lực chiếm 39,4%. Tỷ lệ nam giới bị tổn hại thị lực chiếm 56,3% thấp hơn so với nữ giới chiếm 63,3%. Tuy nhiên sự khác biệt là không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

Bảng 5: Tỷ lệ đối tượng mắc bệnh lý võng mạc tại địa bàn nghiên cứu

Bệnh lý võng mạc	Nam (n=160)		Nữ (n=256)		Chung (n=416)		p
	SL	%	SL	%	SL	%	
Có	37	23,1	81	31,6	118	28,4	>0,05
Không	123	76,9	175	68,4	298	71,6	

Từ kết quả bảng 5 ta thấy: tỷ lệ đối tượng nghiên cứu mắc bệnh lý võng mạc là 28,4%. Trong đó, tỷ lệ nam giới bị mắc bệnh lý võng mạc chiếm 23,1%; nữ giới chiếm 31,6%. Tuy nhiên, sự khác biệt là không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

Bảng 6: Tỷ lệ một số biến chứng mắt của người bệnh đái tháo đường tại địa bàn nghiên cứu

Biến chứng mắt	Nam (n=160)		Nữ (n=256)		Chung (n=416)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Đục thể thủy tinh	123	76,9	187	73,0	310	74,5
Tổn hại thị lực	90	56,3	162	63,3	252	60,6
Bệnh võng mạc - thần kinh	37	23,1	81	31,6	118	28,4
Mông thịt	6	3,8	14	5,5	20	4,8
Các bệnh mắt khác	9	5,6	18	7,0	27	6,5

Từ kết quả bảng 6 ta thấy: Bệnh mắt thường gặp nhất ở người bệnh đái tháo đường là đục thể thủy tinh chiếm 74,5%; tiếp theo là tổn hại thị lực chiếm 60,6%; bệnh võng mạc tiểu đường chiếm 28,4%; các bệnh mắt khác chiếm tỷ lệ thấp.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu mô tả cắt ngang về thực trạng biến chứng mắt trên 416 người bệnh đái tháo đường tại 4 xã thuộc huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình cho thấy:

Tỷ lệ người bệnh đái tháo đường típ 2 là nam giới tham gia nghiên cứu chiếm 38,5%; nữ giới chiếm 61,5%. Nhóm tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là 60-69 chiếm 40,1%; nhóm tuổi 70-79 chiếm 37,7%. Các nhóm tuổi còn lại chiếm tỷ lệ thấp. Kết quả bảng 2 cho thấy cả 6 người không biết chữ trong nghiên cứu đều là nữ giới. Tỷ lệ nữ giới ở trình độ học vấn tiểu học và trung học

cơ sở đều cao hơn nhiều so với nam giới. Ngược lại, ở trình độ trung học phổ thông và trên trung học phổ thông thì tỷ lệ nam và nữ tương đương nhau. Sự khác biệt về trình độ học vấn ở 2 giới là có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Kết quả về giới tính thì nghiên cứu của chúng tôi cho thấy nữ chiếm cao hơn so với nghiên cứu tại bệnh viện Đa khoa Phúc Yên, thì nam chiếm tỷ lệ cao hơn (53,5%) [1]. Nhóm tuổi cao nhất là 60-69, tương đương một số nghiên cứu khác [1],[2]. Chúng tôi thấy điều này cũng hoàn toàn phù hợp với thực tế vì bệnh đái tháo đường chiếm tỷ lệ cao ở người cao tuổi và người trưởng thành. Các số liệu thống kê gần đây cho thấy đái tháo đường ngày càng trẻ hóa, nhưng tuổi cũng đóng vai trò quan trọng trong phát triển ĐTĐ típ 2 có lẽ do tuổi càng cao thì sự tiêu hủy tế bào beta tăng, khả năng tái sinh tế bào beta giảm do lão hóa kèm theo sự đề kháng insulin kết hợp với béo phì

và lối sống tĩnh tại ở người cao tuổi.

Kết quả bảng 3 cho thấy tỷ lệ đối tượng nghiên cứu mắc ít nhất một bệnh mắt là 77,6%. Trong đó, tỷ lệ nam giới bị mắc ít nhất 1 bệnh mắt chiếm 79,4%; nữ giới chiếm 76,6%. Tuy nhiên, sự khác biệt là không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Bệnh về mắt trong nghiên cứu này được tính là bất kỳ bệnh lý nào liên quan tới mắt làm cho đối tượng khó chịu hoặc làm tổn hại thị lực của đối tượng.

Về tình hình thị lực của đối tượng nghiên cứu: Trong nghiên cứu này chúng tôi áp dụng phương pháp đo thị lực của mắt bằng bảng đo thị lực Landolt. Các kết quả thu được được phân chia thành 2 mức dựa vào điểm cắt 3/10, những đối tượng nghiên cứu có thị lực của mắt $< 3/10$ thì gọi là có tổn hại thị lực, những đối tượng nghiên cứu có thị lực từ 3/10 trở lên được gọi là có thị lực bình thường [6]. Thị lực được đo ở cả 2 mắt phải và trái, thị lực 2 mắt của đối tượng nghiên cứu là thị lực ở mức cao nhất mà đối tượng có thể nhìn thấy bằng cả 2 mắt. Kết quả bảng 4 cho thấy tỷ lệ đối tượng nghiên cứu bị tổn hại thị lực là 60,6%; không bị tổn hại thị lực chiếm 39,4%. Tỷ lệ nam giới bị tổn hại thị lực chiếm 56,3% thấp hơn so với nữ giới chiếm 63,3%. Tuy nhiên sự khác biệt là không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

Tổn thương võng mạc trong đái tháo đường là một trong những biến chứng thường gặp ở mắt. Đường trong máu tăng cao trong thời gian dài dẫn đến tắc nghẽn các mạch máu nhỏ nuôi dưỡng võng mạc, cắt nguồn cung cấp máu cho võng mạc. Tổn thương mạch máu ở võng mạc gây ảnh hưởng đến thị lực, nếu không điều trị sớm sẽ gây biến chứng nguy hiểm ở mắt. Kết quả bảng 5 cho thấy tỷ lệ đối tượng nghiên cứu mắc bệnh lý võng mạc là 28,4%. Trong đó, tỷ lệ nam giới bị mắc bệnh lý võng mạc chiếm 23,1%; nữ giới chiếm 31,6%. Tuy nhiên, sự khác biệt là không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

Kết quả bảng 6 cho thấy bệnh mắt thường gặp nhất ở người bệnh đái tháo đường là đục thể thủy tinh chiếm 74,5%; tiếp theo là tổn hại thị lực chiếm 60,6%; bệnh võng mạc tiểu đường chiếm 28,4%; các bệnh mắt khác chiếm tỷ lệ thấp.

So sánh với một nghiên cứu khác thì kết quả nghiên cứu của chúng tôi về giảm thị lực cao hơn (60,6% so với 50%) [1]. Về tỷ lệ bệnh lý võng mạc đái tháo đường cũng cao hơn (28,4% so với 25,5%) [1]. So với nghiên cứu tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên kết quả về biến chứng võng mạc trong đái tháo đường trong nghiên cứu

của chúng tôi cũng cao hơn (28,4% so với 18,5%) [8]. Tác giả Đỗ Đình Tùng và cộng sự qua nghiên cứu của mình cho biết bệnh mắt chủ yếu ở người ĐTĐ là đục TTT, bệnh lý kết mạc, bệnh lý giác mạc, bệnh lý võng mạc. Tổn thương võng mạc do ĐTĐ tương đương ở 2 mắt; trong đó chủ yếu là bệnh võng mạc ĐTĐ chưa tăng sinh thể vừa và nhẹ chiếm 74,2%; có 22,6% thể nặng và rất nặng, như vậy tỷ lệ về bệnh võng mạc đái tháo đường cao hơn nghiên cứu của chúng tôi [5].

V. KẾT LUẬN

- Đa số người bệnh đái tháo đường típ 2 tham gia nghiên cứu là nữ giới chiếm 61,5%.
- Trình độ học vấn chủ yếu là trung học cơ sở chiếm 53,6%.
- Tỷ lệ người bệnh đái tháo đường típ 2 bị mắc ít nhất 1 bệnh mắt là 77,6%.
- Tỷ lệ người bệnh đái tháo đường típ 2 bị tổn hại thị lực là 60,6%.
- Tỷ lệ người bệnh đái tháo đường típ 2 bị mắc bệnh lý võng mạc là 28,4%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Thị Ngọc Hân** (2021), Đặc điểm tổn thương võng mạc trên bệnh nhân đái tháo đường tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên, Tạp chí Y học Việt Nam, tập 502, số 2, tr. 228-233.
2. **Nguyễn Thị Ngân, Ngô Văn Truyền** (2019), khảo sát tỷ lệ hiện mắc và các yếu tố nguy cơ của bệnh lý võng mạc đái tháo đường trên bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần thơ.
3. **Nguyễn Hữu Lê, Phan Trọng Dũng, Bùi Đình Long** (2013), Thực trạng kiến thức, thái độ, hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của cộng đồng đối với các bệnh mù loà có thể phòng tránh được, Tạp chí Y tế công cộng, số 29 (29), tr. 40-47.
4. **Serge Resnikoff, Donatella Pascolini, Daniel Etya ale, et al.** (2004), Global data on visual impairment in the year 2002, Bulletin of the World Health Organization, 82, pp. 844-851.
5. **Đỗ Đình Tùng, Nguyễn Việt Thịnh, Tạ Văn Bình** (2022), Nghiên cứu đặc điểm tổn thương võng mạc mắt của bệnh nhân đái tháo đường típ 2 bằng máy chụp võng mạc kỹ thuật số DRS, Tạp chí Y học Việt Nam, tập 510, số 1, tr. 110-113.
6. **World Health Organization** (2011), Global health and Aging, National Institute on Aging, National Institutes of Health, U.S. Department of Health and Human Services.
7. **World Health Organization** (2013), Universal eye health: a global action plan 2014-2019, Geneva, Switzerland.
8. **Lương Thị Hải Hà** (2021), Đặc điểm bệnh võng mạc đái tháo đường trên bệnh nhân đái tháo đường típ 2 tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Tạp chí Y học Việt Nam, tập 504, số 5, Tr. 91-95.